

BÁO CÁO

Sơ kết 05 năm thực hiện Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới

Thực hiện Công văn số 691-CV/BDVTU, ngày 17/5/2024 của Ban Dân vận Tỉnh ủy Lâm Đồng “Về báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Kết luận số 65-KL/TW của Bộ Chính trị”, Ban Thường vụ Huyện ủy Đam Rông báo cáo kết quả triển khai thực hiện như sau:

I. TÌNH HÌNH CHUNG

1. Tình hình chung về đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS)

Đam Rông với tổng diện tích tự nhiên 87.255,8 ha; huyện có 08 đơn vị hành chính cấp xã, với 53 thôn, trong đó: 6/8 xã đạt chuẩn nông thôn mới (xã khu vực I), 2 xã khu vực III (Đạ Long và Liêng Srônh), 27/53 thôn đặc biệt khó khăn (theo Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc). Dân số của huyện đến thời điểm hiện nay là 58.706 người, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số 38.202 người, chiếm 65,07% dân số; toàn huyện có 30 dân tộc anh em cùng sinh sống; địa phương có tỷ lệ dân tộc thiểu số cao nhất là xã Đạ M’Rông, với tỷ lệ 95,11%, tiếp đến là các xã Đạ Long: 92,45%, Đạ Tông: 88,29%, Liêng Srônh: 78,32%, Rô Men: 57,94%, Phi Liêng: 57,82%, Đạ K’Nang: 50,81%, thấp nhất là xã Đạ Rsal: 27,1%; huyện có 01 Làng nghề dệt thổ cẩm buôn Ka Tung, thuộc Thôn 2, xã Đạ Long được UBND tỉnh công nhận, đạt tiêu chí Làng nghề truyền thống.

Trong những năm qua, tình hình vùng đồng bào dân tộc thiểu số tiếp tục có nhiều chuyển biến tích cực trên các mặt, lĩnh vực như: Kinh tế tăng trưởng qua các năm, cơ cấu kinh tế đã có sự chuyển dịch đúng hướng, đã hình thành các vùng sản xuất chuyên canh, chuyển dần từ các cây trồng có giá trị kinh tế thấp sang các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao; hạ tầng cơ sở thiết yếu tiếp tục được đầu tư hoàn thiện, diện mạo vùng đồng bào dân tộc thiểu số ngày càng khởi sắc... Đời sống về vật chất và tinh thần của nhân dân ngày càng được cải thiện; công tác y tế khám chữa bệnh cho nhân dân được nâng cao; giáo dục và đào tạo đạt được nhiều thành tích, chất lượng dạy và học tiếp tục được nâng lên; các hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao đa dạng, phong phú tạo không khí thi đua sôi nổi, mạng lưới phủ sóng truyền thanh, truyền hình, Internet đến tận các thôn, buôn, đáp ứng thông tin nghe, nhìn, liên lạc cho nhân dân; các chính sách an sinh xã hội được thực hiện thường xuyên và kịp thời.

Tình hình an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số được giữ vững và ổn định; các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo chấp

hành đúng quy định của pháp luật, khối đại đoàn kết toàn dân tộc ngày càng được tăng cường và lớn mạnh...không xảy ra tình trạng khiếu kiện đông người; thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tôn giáo, quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số, không có điểm nóng xảy ra.

Đồng bào DTTS trên địa bàn huyện còn nhiều vấn đề cần quan tâm như: tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo của huyện theo chuẩn đa chiều mới tỷ lệ còn cao, đa số là đồng bào DTTS; giá các mặt hàng nông sản còn thấp, tình trạng vi phạm lâm luật, phá rừng làm rẫy; tư tưởng trở về làng cũ của một số hộ đồng bào DTTS vẫn còn diễn ra; tình trạng ô nhiễm môi trường; an ninh ở một số khu dân cư chưa tốt, còn xảy ra tình hình tội phạm, như: tàng trữ, sử dụng, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy, trộm cắp, cờ bạc, đánh nhau và các tệ nạn xã hội vẫn còn diễn ra....

2. Những thuận lợi, khó khăn vùng đồng bào DTTS

Những năm qua, các cấp ủy đảng, chính quyền trên địa bàn huyện đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo đạt kết quả toàn diện trên các lĩnh vực; cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng; thu ngân sách nhà nước hàng năm đều đạt và vượt chỉ tiêu giao; hạ tầng, kinh tế - xã hội được quan tâm đầu tư ngày càng hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu phát triển. Phong trào xây dựng nông thôn mới đạt được nhiều kết quả tích cực (06/08 xã đạt nông thôn mới, 01 xã đạt nông thôn mới nâng cao); diện mạo nông thôn có nhiều khởi sắc. Lĩnh vực văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ; các chính sách đối với người có công với cách mạng, các chính sách xã hội được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định; an sinh xã hội được bảo đảm. Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị tiếp tục được tăng cường; năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền và các tổ chức trong hệ thống chính trị được nâng lên. Quốc phòng, an ninh được giữ vững ổn định; tình hình chính trị - xã hội, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Đồng bào các dân tộc trên địa bàn huyện đoàn kết, chung sống hòa thuận, giúp đỡ nhau cùng phát triển, không có biểu hiện kỳ thị, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc; cộng đồng các dân tộc tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, chấp hành nghiêm các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

Tuy nhiên công tác dân tộc trên địa bàn huyện còn một số khó khăn, hạn chế: Tỷ lệ hộ nghèo trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số đã giảm mạnh nhưng còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ tái nghèo; quy mô sản xuất nông nghiệp đa số còn nhỏ lẻ, chưa mang tính hàng hóa, kinh tế tập thể chưa phát triển hiệu quả, chuỗi liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm còn hạn chế; một số phong tục, tập quán, cách nghĩ, cách làm của một bộ phận người đồng bào dân tộc thiểu số không còn phù hợp với xã hội hiện nay; một bộ phận người dân vẫn còn tâm lý trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Đảng và Nhà nước, chưa thực sự nỗ lực vươn lên thoát nghèo... Còn một số hộ dân thuộc thôn 4 xã Đa Long và thôn Păng Pah, xã Đa K'Nang còn tư tưởng muốn “về lại làng cũ”, tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây mất an ninh trật tự.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾT LUẬN SỐ 65-KL/TW NGÀY 30/10/2019 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Kết luận 65-KL/TW của Bộ Chính trị
Ban Thường vụ Huyện ủy đã tổ chức hội nghị phổ biến, quán triệt tinh thần

Nghị quyết 24-NQ/TW, ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX), Kết luận 65-KL/TW của Bộ Chính trị, Công văn số 4134-CV/TU ngày 25/12/2019 của Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận 65-KL/TW của Bộ Chính trị đến cán bộ chủ chốt trong toàn huyện; đồng thời chỉ đạo các tổ chức cơ sở đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tổ chức quán triệt đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn dân cư; vận động nhân dân, nhất là cán bộ, đảng viên, lực lượng nòng cốt, cốt cán trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số đoàn kết, phát huy tính tự lực tự cường, hăng hái tham gia học tập, lao động để nâng cao dân trí, xóa đói giảm nghèo, vươn lên làm giàu chính đáng.

Trên cơ sở Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới; Công văn số 4134-CV/TU ngày 25/12/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới, Ban Thường vụ Huyện ủy đã ban hành văn bản¹ để triển khai thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đồng thời chỉ đạo UBND huyện, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể huyện, các tổ chức cơ sở đảng ban hành văn bản triển khai, thực hiện hiệu quả, phù hợp điều kiện từng địa phương, đơn vị. Giao Ban Dân vận Huyện ủy phối hợp với UBND huyện theo dõi, tham mưu về công tác dân tộc trên địa bàn huyện.

Lãnh đạo, chỉ đạo UBND huyện ban hành các văn bản² và chú trọng triển khai thực hiện các chương trình, chính sách của Trung ương, của Tỉnh lồng ghép,

¹Công văn số 903-CV/HU ngày 31/12/2019 về việc thực hiện Kết luận số 65-KL/TW; Chương trình số 73-CTr/HU ngày 29/01/2019 của Ban Thường vụ Huyện ủy về thực hiện Nghị quyết số 14-NQ/TU ngày 08/10/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng về Phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2018 - 2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 04-NQ/HU, ngày 10/9/2021 về “*Đổi mới và nâng cao sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác vận động quần chúng đến năm 2025 và những năm tiếp theo*”; Chương trình hành động số 47-CTr/HU ngày 07/9/2022 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện về thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TU, ngày 03/6/2022 của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2022-2030 trên địa bàn huyện Đam Rông; Chương trình hành động số 32-CTr/HU ngày 27/01/2022 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện về thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU, ngày 12/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy khóa XI về phát triển huyện Đam Rông giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 247-QĐ/HU ngày 16/7/2021 về việc thành lập Ban Chỉ đạo phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội các xã Đa Tông, Đa Long và Đa M’Rông giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 1046-QĐ/HU, ngày 30/5/2023 về kiểm tra việc việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 14-NQ/TU, ngày 08/10/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng về phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2018 - 2025, định hướng đến năm 2030; gắn với việc thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo và xây dựng nông thôn mới đối với Đảng ủy xã Đa Tông, Đảng ủy xã Đa M’Rông và một số cán bộ chủ chốt; Quyết định số 1340/QĐ-HU ngày 21/11/2023 về việc thành lập Tổ công tác giúp Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra, giám sát các nguồn hỗ trợ sinh kế cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện giai đoạn 2023 - 2025; Chương trình hành động số 88-CTr/HU, ngày 4/4/2024 của Huyện ủy về thực hiện Chương trình hành động số 75-CTr/TU, ngày 6/3/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 43-NQ/TW, ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII “*Về tiếp tục phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước ta ngày càng phồn vinh, hạnh phúc*” trên địa bàn huyện Đam Rông.

²Kế hoạch số 172/KH-UBND, ngày 4/10/2022 về thực hiện Chương trình hành động số 47-CTr/HU ngày 07/8/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện về thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TU, ngày 03/6/2022 của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2022-2030 trên địa bàn huyện Đam Rông; Kế hoạch số 97/KH-UBND, 12/4/2023 về thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi năm 2023; Kế hoạch số 17/KH-UBND, ngày 24/01/2024 về thực hiện công tác dân tộc và chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS và MN trên địa bàn huyện Đam Rông năm 2024...

ưu tiên triển khai phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS, thực hiện hiệu quả các chính sách dân tộc. Các cấp ủy, tổ chức Đảng, chính quyền cơ sở lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành tập trung nắm tình hình đời sống, diễn biến tư tưởng của các tầng lớp nhân dân, giải quyết những vấn đề bức xúc của nhân dân, tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện các chương trình, dự án, chính sách đối với đồng bào DTTS, nhằm phát triển kinh tế, giảm tỷ lệ hộ nghèo, nâng cao dân trí; đẩy mạnh công tác xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, củng cố xây dựng hệ thống chính trị cơ sở, quan tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ là người DTTS...

Ban Thường vụ Huyện ủy ban hành chương trình, kế hoạch, quyết định thành lập đoàn kiểm tra, giám sát đối với các tổ chức cơ sở đảng, cán bộ chủ chốt trên địa bàn huyện về các nội dung liên quan công tác dân vận và việc thực hiện chính sách dân tộc trên địa bàn huyện; đã tổ chức 06 cuộc kiểm tra, giám sát đối với 12 tổ chức Đảng và 12 đồng chí cán bộ chủ chốt. Định kỳ tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết, xây dựng báo cáo chuyên đề về công tác dân tộc theo quy định.

2. Kết quả thực hiện chính sách, pháp luật liên quan đến đồng bào DTTS

2.1. Phát huy nguồn lực, phát triển kinh tế vùng đồng bào DTTS

Giai đoạn 2019 - 2024, được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Thường trực Huyện ủy, sự nỗ lực của chính quyền đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện kịp thời, hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số³. Nguồn lực được tập trung đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, phát triển văn hóa, giáo dục, y tế, hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo sinh kế, giải quyết việc làm... Tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện hiệu quả các chương trình phát triển kinh tế - xã hội đối với vùng đồng bào dân tộc, đặc biệt là chỉ đạo triển khai thực hiện hiệu quả các Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới⁴, về giảm nghèo bền vững⁵, về phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi⁶; nâng cao hiệu quả tín dụng chính sách trên địa bàn huyện⁷; chỉ đạo thực hiện các dự án định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số với 05 điểm ổn định dân cư⁸. Qua đó đã góp phần

³ Tổng mức đầu tư toàn xã hội của huyện từ năm 2019 đến nay ước đạt 7.591.258 triệu đồng, tăng 754.790 triệu đồng so với năm 2019.

⁴ Tổng nguồn lực thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2019 - 2024 khoảng 6.634.084 triệu đồng, trong đó ngân sách Trung ương 307.068,2 triệu đồng, ngân sách địa phương 322.563,4 triệu đồng, vốn lồng ghép 791.820,2 triệu đồng, vốn tín dụng 5.197.193 triệu đồng, nguồn vốn nhân dân đóng góp 15.439,2 triệu đồng.

⁵ Chương trình 30a (từ năm 2019 đến hết năm 2020): Tổng kinh phí là 114.946 triệu đồng. Chương trình 135 (từ năm 2019 đến hết năm 2020): Tổng kinh phí là 14.636 triệu đồng. Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững (từ năm 2022 đến nay): Tổng kinh phí là 11.045 triệu đồng (*vốn sự nghiệp*), đến nay đã thực hiện các nội dung về truyền thông giảm nghèo, các nội dung về hỗ trợ phát triển sản xuất hiện đang triển khai thực hiện.

⁶ Tổng số vốn bố trí thực hiện Chương trình giai đoạn 2021- 2024 là: 214.965 triệu đồng. Trong đó: Tổng nguồn vốn đầu tư phát triển là 149.116 triệu đồng; vốn sự nghiệp thực hiện chương trình là 65.848,65 triệu đồng; vốn cho vay theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ đã thực hiện cho 278 hộ vay với tổng số tiền là 18.630 triệu đồng.

⁷ Tổng dư nợ tại Phòng GD Ngân hàng CSXH huyện đến nay là 517.036,4 triệu đồng/7.679 hộ vay.

⁸ Các dự án ổn định dân cư giai đoạn 2019 - 2024 gồm:

+ Dự án ổn định dân cư thôn Đa Xế, xã Đa M'Rông với số vốn phân bổ 14.175 triệu đồng thực hiện ổn định và nâng cao đời sống cho 100 hộ dân tại thôn Đa Xế, xã Đa M'Rông, đến nay đã thực hiện xong và giải ngân được 100% vốn giao.

+ Dự án bố trí, ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn Tiểu khu 72, xã Đa Long với vốn phân bổ 8.226 triệu đồng thực hiện ổn định và nâng cao đời sống cho 50 hộ dân tại Tiểu khu 72, xã Đa Long, đến nay dự án cơ bản

quan trọng trong việc cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân nói chung và đồng bào các dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện nói riêng.

Trong thực hiện các chương trình, dự án đầu tư xây dựng vùng đồng bào dân tộc, với phương châm nhà nước và nhân dân cùng làm đã huy động sức dân để phát triển cơ sở hạ tầng⁹; nhiều công trình giao thông quan trọng đã và đang từng bước được đầu tư xây dựng, tạo sự kết nối giữa huyện Đam Rông với tỉnh Đắk Lắk, Đắk Nông và các vùng trong tỉnh. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản chủ yếu để đầu tư các công trình thiết yếu như: điện, đường, trường học, trạm y tế, nhà văn hóa, các công trình thủy lợi, nước sinh hoạt...

Công tác giảm nghèo, an sinh xã hội: Công tác chăm lo cho các đối tượng người có công, người yếu thế trong xã hội, hộ nghèo, cận nghèo tiếp tục được huyện quan tâm, thực hiện kịp thời¹⁰. Công tác giảm nghèo được thực hiện hiệu quả, đã góp phần rất lớn trong việc giảm tỷ lệ nghèo chung của toàn huyện¹¹, đời sống của các hộ nghèo, hộ cận nghèo từng bước ổn định và nâng lên, nhiều hộ nghèo vươn lên thoát nghèo bền vững góp phần đảm bảo an ninh, trật tự và an toàn xã hội tại địa phương.

2.2. Phát triển đồng bộ các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hoá, xã hội của đồng bào DTTS

Về công tác giáo dục: Thực hiện các văn bản bản chỉ đạo của tỉnh, huyện về công tác giáo dục các cấp, các ngành và cả hệ thống chính trị đã triển khai thực hiện tương đối hiệu quả. Hàng năm huyện đã lồng ghép nhiều nguồn vốn xây dựng cơ sở hạ tầng gắn với trường đạt chuẩn quốc gia¹²; tập trung nâng cao chất lượng

đã hoàn thành, giải ngân được 7.797 triệu đồng, đạt 94,78%, hiện đang tiếp tục triển khai thực hiện; dự kiến hoàn thành trong năm 2024.

+ Dự án sắp xếp, ổn định dân dân di cư tự do thôn Đạ M'Pô, xã Liêng Srônh: được UBND tỉnh phê duyệt với tổng mức đầu tư là: 84.340 triệu đồng, với quy mô 330,18 ha; sau khi dự án hoàn thành sẽ sắp xếp ổn định cho 200 hộ/946 khẩu (ổn định tại chỗ cho 161 hộ, bố trí xen ghép 39 hộ). Hiện nay, dự án đã được bố trí 67.938 triệu đồng. Dự án đã thực hiện được 75% tổng khối lượng công việc. Dự án đã được UBND tỉnh chỉ đạo kết thúc dự án và thực hiện việc thanh quyết toán theo quy định.

+ Dự án sắp xếp dân di cư tự do khu vực tiểu khu 179, khu vực Tây Sơn, xã Liêng Srônh được UBND tỉnh Lâm Đồng phê duyệt với tổng mức đầu tư 149.084 triệu đồng; để sắp xếp, ổn định tại chỗ cho 192 hộ dân. Đến ngày 31/12/2023, tổng nguồn vốn bố trí cho Dự án là 16.021 triệu đồng, đã giải ngân là 16.021 triệu đồng/16.021 triệu đồng, đạt tỷ lệ 100% vốn được bố trí.

+ Dự án Sắp xếp dân di cư tự do tại Tiểu khu 181, xã Liêng Srônh đối với 125 hộ/667 khẩu: UBND huyện đã hoàn thành đồ án quy hoạch chi tiết và được Ban Thường vụ Huyện ủy thông qua; hiện nay huyện đang hoàn thiện các thủ tục để phê duyệt dự án; sau khi dự án được phê duyệt huyện sẽ lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.

⁹ Hiện nay, toàn huyện có 642,57 km đường bộ; giai đoạn 2019 - 5/2024, toàn huyện đã xây dựng 131 công trình đường giao thông tương đương 147,518 km, tổng mức đầu tư là: 589.343,087 triệu đồng; tổng nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản là 1.670.210 triệu đồng.

¹⁰ Tổng kinh phí thực hiện trợ cấp xã hội giai đoạn 2019 - 2024 là 87.427,9 triệu đồng/43.448 lượt đối tượng. Tổ chức thăm hỏi, tặng quà cho các đối tượng nhân dịp Tết Nguyên đán với số tiền 35.766,39 triệu đồng; cấp 266.711 thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng thụ hưởng theo quy định; hỗ trợ sinh kế cho 455 trường hợp với tổng kinh phí là 7.740 triệu đồng; hỗ trợ tiền điện cho 8.457 lượt hộ nghèo/ 3.122,955 triệu đồng; trợ cấp gạo cho 7.425 khẩu/111.375 kg gạo; hỗ trợ xây dựng nhà ở cho: 584 hộ.

¹¹ Đến cuối năm 2023, tỷ lệ nghèo đa chiều của huyện giảm còn 11,63% (1.701 hộ), trong đó: hộ nghèo 624 hộ, tỷ lệ 4,27%, hộ nghèo đồng bào DTTS 579 hộ, tỷ lệ 6,8% so với số hộ DTTS trên địa bàn huyện; hộ cận nghèo 1.077 hộ, tỷ lệ 7,36%, hộ cận nghèo đồng bào DTTS 962 hộ, tỷ lệ 11,30% so với số hộ DTTS trên địa bàn huyện, huyện không còn là một trong các huyện nghèo của cả nước. So với năm 2019 hộ nghèo giảm 1.941 hộ, giảm 14,95%, bình quân giảm gần 3%/năm.

¹² Trên địa bàn huyện hiện có 36 trường học và 01 Trung tâm GDNN - GDTX với 17.243 học sinh/518 lớp; hiện nay có 31/36 trường đạt chuẩn Quốc gia, chiếm tỉ lệ 86% (tăng 14 trường đạt chuẩn so với năm 2019).

giáo dục và duy trì sỹ số học sinh, nhất là các trường vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Quy mô mạng lưới trường lớp không ngừng được mở rộng, phân bố hợp lý, đội ngũ và chất lượng cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên ngày càng được nâng lên, đáp ứng tốt nhu cầu học tập của con em địa phương¹³. Cơ sở vật chất trường lớp được đầu tư theo hướng chuẩn hoá, kiên cố hoá, trang thiết bị đồ dùng dạy học đã được trang bị tương đối đầy đủ. Hàng năm, duy trì kết quả phổ cập giáo dục cho trẻ mầm non 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục THCS và xóa mù chữ¹⁴. Các chính sách hỗ trợ cho học sinh người dân tộc thiểu số được thực hiện kịp thời, đúng quy định của Nghị định 86/2015/NĐ-CP và Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ¹⁵. Qua đó, tạo điều kiện cho các trường tổ chức tốt các hoạt động giáo dục, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo của huyện nói chung, trong đó có chất lượng giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Về công tác y tế: Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân được quan tâm¹⁶; hệ thống y tế từ huyện đến xã được đầu tư cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị đảm bảo phục vụ công tác khám chữa bệnh. Mạng lưới y tế cơ sở, y tế thôn bản được củng cố¹⁷. Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế toàn dân ngày càng nâng cao. Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình được quan tâm phối hợp thực hiện hiệu quả¹⁸. Hoạt động phòng chống các bệnh dịch trên địa bàn luôn được đề cao; tích cực, chủ động, kịp thời khống chế dịch bệnh, không để dịch lớn xảy ra.

Về công tác văn hóa - xã hội: Trong những năm qua, phong trào văn hoá, văn nghệ, thể dục - thể thao quần chúng được quan tâm, việc xây dựng cơ quan, đơn vị, gia đình văn hóa được chú trọng¹⁹. Công tác bảo tồn và phát huy các giá trị

¹³ Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên công tác trong ngành giáo dục là 911 người, trong đó người DTTS là 228 người, chiếm tỷ lệ 25,02%. Theo Luật Giáo dục 2019, Tỷ lệ giáo viên MN đạt chuẩn trình độ đào tạo chiếm 91,2% (tăng 23,4% so với năm 2019); Tiểu học đạt chuẩn trình độ đào tạo 93,3% (tăng 14,7% so với năm 2019); bậc THCS đạt chuẩn trình độ đào tạo 94,5% (tăng 11,2% so với năm 2019); THPT, TTGDNN-GDTH đạt chuẩn trình độ đào tạo 100%.

¹⁴ Cuối năm 2023, Huyện được UBND tỉnh công nhận huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục cho trẻ mầm non 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, phổ cập giáo dục THCS mức độ 2 và xóa mù chữ mức độ 2 (giữ nguyên kết quả như năm 2019). Tỷ lệ học sinh đậu tốt nghiệp THPT năm sau cao hơn năm trước thời điểm năm 2023, tỷ lệ đậu tốt nghiệp THPT là 100% học sinh (tăng 6,7% so với năm 2019), tăng 1.204 học sinh so với năm 2019.

Từ năm 2019 đến nay đã khai giảng và triển khai được 14 lớp xóa mù chữ tại các xã trên địa bàn huyện với 309 học viên.

¹⁵ Từ năm 2019- 2023 đã thực hiện hỗ trợ cho 19.277 lượt học sinh với tổng số tiền là 18.717,75 triệu đồng; hỗ trợ chi phí cho học sinh mầm non theo Nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ cho 6.403 lượt học sinh với tổng số tiền là 6.927,84 triệu đồng; chế độ theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC Quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật cho 18 lượt học sinh với 131,984 triệu đồng.

¹⁶ Tổng số cán bộ quản lý, viên chức, người lao động làm việc trong ngành y tế hiện nay: 165 người, tăng 7 người so với năm 2019, trong đó người đồng bào DTTS: 68 người, chiếm 41,2%, tăng 12 người so với năm 2019. Tổng số lượt khám chữa bệnh từ năm 2019 đến nay là 249.098 lượt bệnh nhân.

¹⁷ Đến nay, trên địa bàn huyện có 01 Trung tâm y tế, 02 phòng khám khu vực với 60 giường bệnh, 4/8 trạm y tế có bác sĩ, 04 trạm y tế luân phiên bác sĩ xuống hỗ trợ khám bệnh, chữa bệnh, 7/8 trạm y tế đạt chuẩn quốc gia; 53 thôn có y tá thôn bản; công tác xã hội hóa chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được tạo điều kiện phát triển, hiện trên địa bàn có 34 cơ sở hành nghề y được tư nhân.

¹⁸ Tỷ lệ sinh con thứ 03 giảm, số người áp dụng các biện pháp tránh thai tăng, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên cuối năm 2023 giảm xuống còn 1,36%, so với năm 2019 giảm 0,14%.

¹⁹ Toàn huyện có 53/53 thôn văn hóa, tăng 02 thôn so với năm 2019; 60/66 cơ quan đơn vị văn hóa, đạt 90,9%; 12.283/13.815 hộ gia đình văn hóa, đạt 88,91%, tăng 6,42% so với năm 2019; 08/8 xã đạt chuẩn nông thôn mới về văn hóa

văn hóa, đặc biệt là văn hóa công chiêng được quan tâm²⁰. Các thiết chế văn hóa, cơ sở hạ tầng, vật chất ngành văn hóa, thể dục thể thao luôn được quan tâm đầu tư. Hệ thống truyền thanh đã được đầu tư xây dựng, 8/8 xã phủ sóng mạng internet đến 53/53 thôn; huyện có 45 sân bóng chuyền, 1 sân bóng đá 11 người, 12 sân bóng đá mini, 20 sân thi đấu cầu lông, 02 sân tennis.

Về công tác dân tộc, tôn giáo: Việc bình xét và thực hiện các chế độ chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số được thực hiện kịp thời, đầy đủ, đúng quy định²¹. Chế độ trợ cấp xã hội cho học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số, sinh viên cử tuyển theo Quyết định số 62/2012/QĐ-UBND ngày 27/12/2012 của UBND tỉnh Lâm Đồng được triển khai thường xuyên²².

Huyện có 5 tôn giáo chính với 42.000 tín đồ theo các tôn giáo, chiếm khoảng trên 70% dân số toàn huyện. Đa số tín đồ, chức sắc, chức việc tin tưởng vào đường lối, chính sách đúng đắn của Đảng, Nhà nước về tôn giáo; hoạt động đúng đường hướng, gắn bó với dân tộc. Đời sống của đồng bào các tôn giáo ngày càng được nâng cao; mối quan hệ giữa các tôn giáo với cấp ủy, chính quyền địa phương luôn hài hòa. Các phong trào thi đua yêu nước do Mặt trận Tổ quốc phát động được chức sắc, nhà tu hành và tín đồ các tôn giáo tích cực hưởng ứng... Qua đó, tạo sự gắn bó hòa hợp, cùng chung sức xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân.

2.3. Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân gắn với thế trận lòng dân vững chắc ở vùng đồng bào DTTS

Xác định vị trí chiến lược của địa bàn có nhiều đồng bào các dân tộc sinh sống, để góp phần giữ vững quốc phòng, an ninh, ngăn chặn việc lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân, trong những năm qua, cấp ủy, chính quyền đã tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác dân vận của lực lượng vũ trang trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đảng ủy Công an, Quân sự đã ban hành các nghị quyết, chương trình tăng cường công tác bảo vệ an ninh, ký kết nhiều chương trình phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trong công tác vận động đồng bào dân tộc thiểu số. Công an huyện tăng cường bám dân, bám cơ sở, đưa công an chính quy về phụ trách cơ sở²³. Nhờ những chủ trương và giải pháp đúng đắn, phù hợp nên đã phát huy vai trò của đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc, cung cấp cho các cơ quan chức năng nhiều nguồn tin, góp phần bảo vệ an ninh chính trị, an ninh kinh tế và trật tự an toàn xã hội.

2.4. Nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức đảng, chính quyền, MTTQ và các đoàn thể chính trị xã hội trong vùng đồng bào DTTS

Trong giai đoạn 2019 - 2024, Ban Thường vụ Huyện ủy tập trung lãnh, chỉ đạo củng cố, kiện toàn cấp ủy ở cơ sở, nhằm nâng cao chất lượng của tổ chức

²⁰ Hiện trên địa bàn huyện có 01 khu bảo tồn văn hóa truyền thống ở xã Đa Tông; giai đoạn từ năm 2019 đến nay đã tổ chức 05 lớp truyền dạy công chiêng từ nguồn ngân sách huyện; huyện đã tổ chức thành công Lễ hội Công chiêng Lần Thứ I; phục dựng và tổ chức thành công lễ hội cầu mưa ở xã Đa Long...

²¹ Hiện nay, trên địa bàn huyện có 52 người có uy tín; giai đoạn từ năm 2019 đến nay, tổng kinh phí thực hiện các chế độ chính sách đối với người có uy tín là 500 triệu đồng.

²² Giai đoạn từ năm 2019 đến nay, huyện đã chi trả chế độ trợ cấp xã hội cho 686 học sinh người dân tộc thiểu số/1.143 triệu đồng.

²³ Hiện nay 8/8 xã bố trí tăng cường lực lượng công chính quy làm Công an xã để nắm bắt tình hình nhân dân, tình hình dân tộc, tôn giáo.

đảng²⁴; nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên²⁵; đồng thời xây dựng bộ máy chính quyền vững mạnh, đáp ứng năng lực lãnh đạo, điều hành và phát huy hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội. Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhất là cán bộ người đồng bào dân tộc thiểu số được các cấp ủy, chính quyền luôn chú trọng cả trước mắt và lâu dài. Trong đó ưu tiên lựa chọn những cán bộ đảm bảo tiêu chuẩn, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, và năng lực đáp ứng yêu cầu trong thời kỳ mới để bố trí sử dụng, đưa đi đào tạo và quy hoạch giữ các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý. Đến nay, tổng số cán bộ, công chức, viên chức trên toàn huyện là 1.264 người, trong đó người dân tộc thiểu số: 315 người, tỷ lệ 24,92%.

Thời gian qua, việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở được các cấp chính quyền quan tâm chỉ đạo gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị ở địa phương, đã phát huy vai trò, tiềm năng, sức sáng tạo của người dân, động viên các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước, như: phong trào thi đua "*Dân vận khéo*", cuộc vận động "*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*", thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, các chính sách an sinh xã hội, nhất là chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số... Người dân được cung cấp đầy đủ thông tin về các chương trình, chính sách; được quyền quyết định lựa chọn nội dung đầu tư hoặc bình chọn đối tượng được thụ hưởng thông qua các cuộc họp thôn, với sự tham gia của đại diện chính quyền và tổ chức đoàn thể ở cơ sở, trước khi có quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền. Do đó việc thực hiện các chính sách dân tộc mang lại hiệu quả cao, hạn chế thất thoát, lãng phí, đáp ứng sự tin cậy của nhân dân; việc triển khai thực hiện các chương trình, chính sách có nhiều thuận lợi, đặc biệt việc huy động đóng góp của người dân tự nguyện hiến đất hoặc cây trồng để xây dựng nông thôn mới.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội thường xuyên kiện toàn, củng cố các tổ chức cơ sở hội, đẩy mạnh công tác phát triển đoàn viên, hội viên²⁶. Bên cạnh công tác xây dựng và củng cố tổ chức hội, đẩy mạnh công tác phát triển đoàn viên, hội viên, công tác xây dựng lực lượng cốt cán phong trào ở cơ sở được chú trọng nhằm kịp thời nắm bắt và phản ánh với các ngành chức năng, cấp ủy, chính quyền địa phương, góp phần giải quyết tốt các vấn đề nổi cộm, phát sinh liên quan đến công tác dân tộc ở địa phương.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Sau 05 năm thực hiện Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới, diện mạo của huyện Đam Rông đã có bước thay đổi khá toàn diện, kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu

²⁴ Đến nay, toàn Đảng bộ huyện có 37 tổ chức cơ sở đảng với 1.802 đảng viên, trong đó đảng viên là người đồng bào dân tộc thiểu số: 660 đảng viên, tỷ lệ 36,6%.

²⁵ Từ đầu năm 2020 - 5/2024: Toàn huyện kết nạp 322 đảng viên, đảng viên DTTS có 124 đảng viên.

²⁶ Đến cuối tháng 5/2024: Hội Cựu chiến binh huyện có 926 hội viên/1156 CQN, đạt 80,1%. Hội Nông dân huyện có 7.847 hội viên/9.500 nông dân, đạt 82,35%; Hội Liên hiệp phụ nữ huyện có 10.592 hv/14.540 PN đạt 72,83%; Đoàn thanh niên huyện có huyện 8.446 đoàn viên, hội viên/11.261 thanh niên, đạt 75%; Liên đoàn lao động huyện có 1.489 đoàn viên/1.578 công nhân, viên chức và người lao động, đạt 94,35%.

số có bước phát triển; tỷ lệ hộ nghèo giảm mạnh; đồng bào các dân tộc thiểu số biết ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất; từng bước thay đổi tập quán canh tác lạc hậu. Một bộ phận đồng bào đã biết phát huy tiềm năng và lợi thế, tập trung phát triển các mô hình kinh tế hộ gia đình. Số hộ đồng bào dân tộc làm ăn khá giỏi ngày càng tăng, góp phần tích cực vào việc thoát nghèo bền vững. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số đã được quan tâm đầu tư, hoàn thiện, hệ thống đường liên xã và giao thông nông thôn được cứng hóa; tự do tín ngưỡng, tôn giáo vùng đồng bào dân tộc thiểu số được đảm bảo; giáo dục và đào tạo có sự chuyển biến tiến bộ; công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số được chú trọng, dịch bệnh được kiểm soát; chất lượng hệ thống chính trị cơ sở ngày càng được nâng lên; quốc phòng, an ninh được bảo đảm; quyền làm chủ của nhân dân được phát huy; khối đại đoàn kết không ngừng được củng cố, mở rộng. Công tác xây dựng Đảng, chính quyền ngày càng vững mạnh.

2. Những hạn chế, khó khăn

- Công tác tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước của các cấp, các ngành đối với đồng bào dân tộc có lúc chưa thường xuyên, liên tục và còn thiếu biện pháp phù hợp.

- Tỷ lệ hộ nghèo còn cao so với mặt bằng chung của tỉnh, hộ nghèo chủ yếu là người đồng bào dân tộc thiểu số; một bộ phận người dân vẫn còn tâm lý trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Đảng và Nhà nước.

- Chất lượng giáo dục, y tế, văn hóa ở vùng dân tộc thiểu số tuy đã được nâng lên nhưng vẫn còn thấp hơn so với mặt bằng chung của tỉnh, mức độ tiếp cận các dịch vụ còn hạn chế. Một số phong tục, tập quán không còn phù hợp vẫn còn tồn tại trong đời sống và các mối quan hệ xã hội người dân; an ninh vùng dân tộc thiểu số vẫn còn tiềm ẩn những yếu tố gây mất ổn định.

- Trình độ, năng lực của một số cán bộ, công chức người dân tộc thiểu số còn hạn chế; công tác tạo nguồn, phát triển đảng viên người dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn.

- Việc ổn định đời sống của dân di cư tự do cho đồng bào dân tộc Hmông tại các tiểu khu 179, 181, khu vực Tây Sơn, Đạ M'Pô xã Liêng Srônh còn rất nhiều khó khăn, tạo áp lực rất lớn đối với địa phương, nhất là trong công tác thực hiện giảm nghèo và an ninh, trật tự vùng đồng bào dân tộc.

- Tình trạng đòi trở về làng cũ của đồng bào DTTS tại chỗ tuy đã được tuyên truyền vận động và ổn định đời sống tại chỗ, nhưng vẫn còn một số hộ còn ý muốn quay trở lại làng cũ, gây mất an ninh trật tự.

*** Nguyên nhân của khó khăn, hạn chế**

- Do xuất phát điểm của vùng dân tộc thiểu số thấp, mặt bằng dân trí chưa cao, một số phong tục, tập quán, cách nghĩ, cách làm không còn phù hợp nhưng đã đi sâu vào đời sống và sinh hoạt hàng ngày của người dân, việc thay đổi còn chậm và cần thêm thời gian.

- Nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền và cán bộ, công chức về công

tác dân tộc chưa sâu, chưa toàn diện; sự phối hợp giữa các cấp, các ngành chưa chặt chẽ.

- Một bộ phận đông bào dân tộc thiểu số vẫn còn tâm lý trông chờ, ỷ lại vào sự đầu tư, hỗ trợ của Đảng, Nhà nước và cộng đồng; chưa thực sự phấn đấu khắc phục khó khăn, tự lực, tự cường vươn lên trong sản xuất và đời sống.

- Kết cấu hạ tầng tuy đã được đầu tư, nhưng chưa thực sự đồng bộ, nguồn lực đầu tư cho các chương trình mục tiêu quốc gia còn hạn chế, việc huy động các nguồn vốn đầu tư ngoài ngân sách để phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng về giao thông, thủy lợi còn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt các công trình trọng điểm.

- Các chương trình, dự án đầu tư phát triển vùng đồng bào dân tộc về cơ bản được triển khai thực hiện nhưng công tác kiểm tra, giám sát, hướng dẫn chưa thường xuyên; vẫn chưa phát huy tối đa hiệu quả so với nguồn lực đầu tư.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác dân tộc, nhằm tạo chuyển biến sâu sắc về phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, công tác dân tộc. Nhiệm vụ trọng tâm là tiếp tục triển khai thực hiện Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới, Nghị quyết số 14-NQ/TU của Tỉnh ủy Lâm Đồng “*về phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2018- 2025, định hướng đến 2030*”, Nghị quyết số 16-NQ/TU, ngày 03/6/2022 của Tỉnh ủy “*về phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2022-2030*” và các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số, nhằm tạo sự thống nhất trong nhận thức và thực hiện một cách toàn diện, nhất quán công tác dân tộc trong tình hình mới.

2. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chính sách, chương trình, dự án đầu tư phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số, góp phần đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế, xã hội, xóa đói, giảm nghèo, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Trọng tâm là chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất và nước sinh hoạt cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và cận nghèo; hỗ trợ định canh, định cư; đầu tư cơ sở hạ tầng, vay vốn hỗ trợ trực tiếp người nghèo. Đồng thời, tăng cường tuyên truyền, huy động các nguồn lực trong đồng bào dân tộc thiểu số góp phần thực hiện thắng lợi cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

3. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể trong thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, công tác dân tộc. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao chất lượng phong trào thi đua yêu nước thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền vùng đồng bào dân tộc thiểu số vững mạnh. Chú trọng phát huy vai trò giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể góp phần thực hiện chính sách, chương trình, dự án trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tiếp tục đổi mới phương thức, đa dạng hóa hình thức hoạt

động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể để tập hợp đông đảo đoàn viên, hội viên là người dân tộc thiểu số vào tổ chức hội; hướng về cơ sở, quan tâm thiết thực lợi ích của đoàn viên, hội viên; phát huy vai trò tham mưu nòng cốt trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

4. Tiếp tục củng cố tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị cơ sở, nâng cao chất lượng cán bộ làm công tác dân vận của Đảng, nhất là cán bộ chuyên trách, tham mưu về công tác dân tộc. Trong đó chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ ở các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số; quan tâm tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ người đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ có trình độ, bản lĩnh, năng lực quản lý, điều hành phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh ở địa phương. Coi trọng và tiếp tục phát huy vai trò của già làng, các chức sắc tôn giáo, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số.

5. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc thực hiện nghị quyết, chỉ thị, kết luận về công tác dân vận ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số; chú trọng biểu dương, khen thưởng, nhân rộng những mô hình, điển hình “dân vận khéo” vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nhằm phát huy vai trò của đồng bào dân tộc thiểu số trong phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh ở địa phương.

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

- Đề xuất Trung ương, UBND tỉnh bố trí phần kinh phí còn lại để huyện sớm hoàn thành các dự án ổn định dân di cư tự do tại các tiểu khu 179 và Tây Sơn của xã Liêng Srônh.

- Kiến nghị Trung ương, UBND tỉnh kịp thời phân bổ các nguồn vốn năm 2024, ban hành văn bản hướng dẫn để địa phương giải ngân kịp thời các nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia triển khai trên địa bàn huyện.

Nơi nhận:

- Ban Dân vận Tỉnh ủy,
- Thường trực Huyện ủy,
- UBND huyện,
- MTTQ và các đoàn thể huyện,
- Đảng ủy Công an huyện,
- Đảng ủy BCH Quân sự huyện,
- Đảng ủy các xã,
- Lưu Văn phòng Huyện ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ

Đa Cát K' Hương

TÊN ĐƠN VỊ: HUYỆN ỦY ĐAM RÔNG

BIỂU THÔNG KÊ
CÁC VĂN BẢN LÃNH, CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN KẾT LUẬN SỐ 65-KL/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
(Kèm theo Báo cáo số 369 -BC/HU ngày 25/6 /2024 của BTV Huyện ủy Đam Rông)

STT	Số Văn bản	Ngày tháng năm	Trích yếu nội dung	Ghi chú
1	903-CV/HU	31/12/2019	Công văn thực hiện Kết luận số 65-KL/TW	
2	73-CTr/HU	29/01/2019	Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 14-NQ/TU ngày 08/10/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng về “Phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2018 – 2025, định hướng đến năm 2030”;	
3	Nghị quyết số 04-NQ/HU	10/9/2021	Nghị quyết về “ <i>Đổi mới và nâng cao sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác vận động quần chúng đến năm 2025 và những năm tiếp theo</i> ”	
4	47-CTr/HU	07/9/2022	Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TU, ngày 03/6/2022 của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2022-2030 trên địa bàn huyện Đam Rông	
5	32-CTr/HU	27/01/2022	Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU, ngày 12/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy khóa XI về phát triển huyện Đam Rông giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045	
6	247-QĐ/HU	16/7/2021	Quyết định số về việc thành lập Ban Chỉ đạo phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội các xã Đạ Tông, Đạ Long và Đạ M’Rông giai đoạn 2021 - 2025	
7	1046-QĐ/HU	30/5/2023	Quyết định kiểm tra việc việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 14-NQ/TU, ngày 08/10/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng về phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2018 - 2025, định hướng đến năm 2030; gắn với việc thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo và xây dựng nông thôn mới đối với Đảng ủy xã Đạ Tông, Đảng ủy xã Đạ M’Rông và một số cán bộ chủ chốt	

8	1340/QĐ-HU	21/11/2023	Quyết định về việc thành lập Tổ công tác giúp Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra, giám sát các nguồn hỗ trợ sinh kế cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện giai đoạn 2023 - 2025.	
9	88-CTr/HU	4/4/2024	Chương trình hành động số của Huyện ủy về thực hiện Chương trình hành động số 75-CTr/TU, ngày 6/3/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 43-NQ/TW, ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII “ <i>Về tiếp tục phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước ta ngày càng phồn vinh, hạnh phúc</i> ” trên địa bàn huyện Đam Rông.	
10	172/KH-UBND	04/10/2022	Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 47-CTr/HU ngày 07/8/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện về thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TU, ngày 03/6/2022 của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2022-2030 trên địa bàn huyện Đam Rông	
11	97/KH-UBND	12/4/2023	Kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi năm 2023	
12	17/KH-UBND	24/01/2024	Kế hoạch về thực hiện công tác dân tộc và chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS và MN trên địa bàn huyện Đam Rông năm 2024	

TÊN ĐƠN VỊ: HUYỆN ỦY ĐAM RÔNG

BIỂU THỐNG KÊ
VỀ KINH TẾ ĐỜI SỐNG CỦA ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ (DTTS)
THỰC HIỆN KẾT LUẬN SỐ 65-KL/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
(Kèm theo Báo cáo số 369 -BC/HU ngày 25/6 /2024 của BTV Huyện ủy Đam Rông)

STT	Tiêu chí	Đơn vị	Toàn huyện					Đồng bào DTTS					Ghi chú
			2019	2020	2021	2022	2023	2019	2020	2021	2022	2023	
1	Tổng số hộ	Hộ	13.774	14.522	14.431	14.722	14.626	7.468	8.375	8.305	8.341	8.510	
2	Thu nhập bình quân/người/năm	Đồng	28	32,2	35,4	38,9	50	28	32,2	35,4	38,9	50	
3	Số hộ nghèo	Hộ	1.661	1.082	2.130	1.019	624	1.551	1.027	1.992	967	579	
4	Số hộ cận nghèo	Hộ	3.260	3.235	2.842	1.826	1.077	2.665	2.861	2.460	1.667	962	
5	Số hộ thiếu đất sản xuất	Hộ	320	298	301	279	269	222	207	210	187	173	
6	Số hộ chưa được dùng điện lưới QG	Hộ	413	435	360	176	146	413	435	360	176	146	
7	Số hộ chưa được sử dụng nước hợp vệ sinh	Hộ	1.101	1.016	938	956	950	1.101	1.016	938	956	950	

TÊN ĐƠN VỊ: HUYỆN ỦY ĐAM RÔNG

BIỂU THÔNG KÊ
VỀ VĂN HOÁ XÃ HỘI CỦA ĐỒNG BÀO DTTS
THỰC HIỆN KẾT LUẬN SỐ 65-KL/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
(Kèm theo Báo cáo số 369 -BC/HU ngày 25/6 /2024 của BTV Huyện ủy Đam Rông)

STT	Tiêu chí	Đơn vị	Toàn huyện					Là người DTTS					Ghi chú
			2019	2020	2021	2022	2023	2019	2020	2021	2022	2023	
1	Dân số	Người	54319	55150	55827	56775	57754	35308	35848	36288	36904	37540	
2	Số người không biết nói và viết tiếng Việt	Người	2990	2786	2712	1141	994	2578	2711	2432	923	751	
3	Số người được đào tạo trình độ Trung cấp	Người	143	152	153	160	175	69	80	84	84	114	
4	Số người được đào tạo Đại học, Cao đẳng	Người	1168	1334	1533	1735	1946	298	356	418	481	538	
5	Số người trình độ Thạc Sĩ	Người	46	46	46	46	46	1	1	1	1	1	
6	Số người trình độ Tiến Sĩ	Người	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
7	Số người có trình độ đại học chưa có việc làm	Người	26	21	18	12	10	19	13	16	10	8	
8	Số người được đào tạo nghề	Người	192	204	188	193	450	192	204	188	193	450	
9	Số cặp tảo hôn	Cặp	16	9	5	6	5	16	9	5	6	3	
10	Số cặp hôn nhân cận huyết	Cặp	2	1	0	0	0	2	1	0	0	0	
11	Số trẻ suy dinh dưỡng	Người											
	- Suy dinh dưỡng chiều cao	Người	1510	1604	1633	1486	1388	1510	1604	1633	1486	1388	
	- Suy dinh dưỡng cân nặng	Người	1040	1026	1028	962	942	1040	1026	1028	962	942	
12	Tỷ lệ tăng dân số	%	1,5	1,41	1,39	1,38	1,36	1,5	1,41	1,39	1,38	1,36	
13	Tuổi thọ bình quân	Tuổi	72,6	72,7	72,7	72,8	72,8	72,6	72,7	72,7	72,8	72,8	

TÊN ĐƠN VỊ: HUYỆN ỦY ĐAM RÔNG

BIỂU THỐNG KÊ
VỀ AN NINH, TRẬT TỰ CỦA VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS
THỰC HIỆN KẾT LUẬN SỐ 65-KL/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
(Kèm theo Báo cáo số 369 -BC/HU ngày 25/6 /2024 của BTV Huyện ủy Đam Rông)

STT	Tiêu chí	Đơn vị	Toàn huyện					Là người DTTS					Ghi chú
			2019	2020	2021	2022	2023	2019	2020	2021	2022	2023	
1	Số người phạm tội đã bị kết án	Người	48	67	69	121	113	21	13	22	41	17	
2	Tổng số người nghiện ma túy	Người	22	20	23	32	21	07	06	06	08	04	
3	Số phụ nữ kết hôn trái pháp luật với người nước ngoài	Người	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4	Số người xuất cảnh trái phép	Người	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
5	Số người di cư tự do	Người	27	12	0	0	0	27	12	0	0	0	
6	Số người HIV/AIDS	Người	01	04	03	0	02	01	02	0	0	01	
7	Số vụ tố cáo	Vụ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
8	Số vụ khiếu nại	Vụ	7	17	8	20	11	2	1	1	1	0	

TÊN ĐƠN VỊ: HUYỆN ỦY ĐAM RÔNG

BIỂU THỐNG KÊ
VỀ ĐẢNG VIÊN, CHI BỘ CỦA VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS
THỰC HIỆN KẾT LUẬN SỐ 65-KL/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
(Kèm theo Báo cáo số 369 -BC/HU ngày 25/6 /2024 của BTV Huyện ủy Đam Rông)

STT	Tiêu chí	Đơn vị	Tổng số toàn huyện					Là người DTTS					Ghi chú
			2019	2020	2021	2022	2023	2019	2020	2021	2022	2023	
1	Tổng số Đảng viên	Đảng viên	1620	1686	1747	1767	1781	552	596	617	636	658	
2	Tổng số thôn, xã	Thôn	56	53	53	53	53						
3	Số thôn chưa có chi bộ độc lập	Thôn	0	0	0	0	0						
4	Số thôn chưa có đảng viên	Thôn	0	0	0	0	0						

TÊN ĐƠN VỊ: HUYỆN ỦY ĐAM RÔNG

BIỂU THỐNG KÊ
VỀ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC VÀ DOANH NHÂN LÀ NGƯỜI ĐỒNG BÀO DTTS
THỰC HIỆN KẾT LUẬN SỐ 65-KL/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
(Kèm theo Báo cáo số 369 -BC/HU ngày 25/6 /2024 của BTV Huyện ủy Đam Rông)

STT	Tiêu chí	Đơn vị	Tổng số toàn huyện					Là người DTTS					Ghi chú
			2019	2020	2021	2022	2023	2019	2020	2021	2022	2023	
I	Cấp huyện												
1	Khối Đảng, đoàn thể	Người	53	53	51	48	47	6	8	8	9	9	
2	Khối các cơ quan hành chính nhà nước	Người	91	85	80	82	82	5	9	9	8	8	
3	Khối các cơ quan tư pháp	Người	31	31	30	30	28	7	7	7	7	7	
II	Cấp xã												
1	Các chức danh bầu cử	Người	91	87	87	86	81	40	38	38	39	35	
2	Các chức danh bổ nhiệm	Người	80	90	91	92	90	5	5	5	6	5	

TÊN ĐƠN VỊ: HUYỆN ỦY ĐAM RÔNG

BIỂU THỐNG KÊ
VỀ TÔN GIÁO CỦA NGƯỜI ĐỒNG BÀO DTTS
THỰC HIỆN KẾT LUẬN SỐ 65-KL/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
(Kèm theo Báo cáo số 369 -BC/HU ngày 25/6 /2024 của BTV Huyện ủy Đam Rông)

STT	Tiêu chí	Đơn vị	Tổng số toàn tỉnh/huyện/xã		Là người DTTS		Ghi chú
			2019	2023	2019	2023	
1	Tổng số	Người	41.939	42.593	38.679	39.295	
2	Công giáo	Người	23.095	24.778	21.471	22.878	
3	Phật giáo	Người	1.535	1.328	0	0	
4	Tin lành	Người	16.363	15.297	16.363	15.297	
5	Cao đài	Người	101	70	0	0	
6	Hồi giáo	Người	0	0	0	0	
7	Tôn giáo khác	Người	845 (Cơ đốc phục lâm)	1.120 (Cơ đốc phục lâm)	845	1.120	

TÊN ĐƠN VỊ: HUYỆN ỦY ĐAM RÔNG

BIỂU THỐNG KÊ
VỀ NGƯỜI CÓ UY TÍN TRONG ĐỒNG BÀO DTTS
THỰC HIỆN KẾT LUẬN SỐ 65-KL/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
(Kèm theo Báo cáo số 369 -BC/HU ngày 25/6 /2024 của BTV Huyện ủy Đam Rông)

STT	Dân tộc	Tổng số		Nam		Nữ		Ghi chú
		2019	2023	2019	2023	2019	2023	
1	Cơ ho	26	21	26	21	0	0	
2	Mnông	11	13	11	12	0	0	
3	Kinh	9	10	8	9	1	1	
4	Mạ	7	5	5	4	2	1	
5	Hmông	2	2	2	2	0	0	
6	Nùng	1	2	1	2	0	0	